

Bản án số: 89/2019/HS-ST

Ngày: 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy

Ông Phạm Văn Thấu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THẾ H, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn P, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Tăng Thị C; Vợ là chị Vũ Thị Y, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 1092 ngày 25/7/2003, Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 01/02/2005 chấp hành xong bản án.

Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. PHẠM VĂN T, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn KT, xã NK, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Z và bà Nguyễn Thị O; Vợ là chị Trần Thị H, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* đều vắng mặt.

+ Anh Lê Nam A, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Khu 9, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Đinh Văn B, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn PT, xã TG, huyện TM, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 9/2019, Nguyễn Thế H là công nhân công ty S Việt Nam thuộc khu công nghiệp Đ, phường MT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương có gặp và đặt vấn đề với một số người làm cùng công ty gồm: Phạm Văn T, Lê Nam A, Đinh Văn B về việc H có bán số lô, số đề, nếu mọi người có nhu cầu mua thì nhắn tin đến số điện thoại của H là: 0888.585.xxx.

Hình thức ghi bán số lô, số đề giữa H với T, A, B thỏa thuận như sau:

Đề: là người mua chọn mua bất kỳ số tự nhiên nào có hai chữ số từ 00 đến 99 và số tiền người mua lựa chọn. Số trúng là số trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày. Nếu trúng H trả người mua gấp 70 lần số tiền đặt cược, nếu không trúng người mua trả H số tiền đã đặt cược.

Lô: là người mua lựa chọn mua bất kỳ số tự nhiên nào có hai chữ số, từ số 00 đến số 99, tiền mua tính theo điểm (mỗi điểm là 20.000 đồng), mua bao nhiêu điểm tùy người mua, số trúng là số trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày (*được so với tất cả các số từ giải đặc biệt cho đến giải bảy*). Nếu trúng H trả người mua 70.000 đồng/1 điểm, nếu không trúng người mua trả H số tiền đã đặt cược.

Lô xiên: là người mua lựa chọn mua bất kỳ một nhóm hai số tự nhiên (*lô xiên hai*) mà mỗi số tự nhiên trong nhóm số đều có hai chữ số, từ số 00 đến số 99 và số tiền tùy người mua lựa chọn. Nhóm số trúng là nhóm số có các số tự nhiên trong nhóm đều trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày (*được so với tất cả các số từ giải đặc biệt cho đến giải bảy*). Nếu trúng H trả người mua gấp 10 lần số tiền đặt cược, nếu không trúng người mua trả H số tiền đã đặt cược.

Chiều ngày 01/10/2019, Nguyễn Thế H ở tại nhà mình sử dụng điện thoại di động bên trong có lắp sim số 0888.585.xxx nhận ghi, bán số lô, số đề cho

Phạm Văn T, Lê Nam A, Đinh Văn B. Đến 19 giờ 50 phút cùng ngày, việc bán số lô, số đề của H bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương phát hiện, lập biên bản. H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an tỉnh Hải Dương chiếc điện thoại có lắp sim số 0888.585.xxx mà H sử dụng để ghi, bán số lô, số đề. H khai ngày 01/10/2019, H đã bán số lô, số đề cho Phạm Văn T, Lê Nam A, Đinh Văn B.

- Việc mua bán số lô, số đề của Nguyễn Thế H với Phạm Văn T:

Chiều ngày 01/10/2019, T ở tại nhà mình sử dụng điện thoại di động bên trong có lắp sim số 0845.670.xxx của mình gửi các tin nhắn vào số điện thoại 0888.585.xxx của H để mua các số lô, số đề sau: lô xiên nhóm số (17, 11) là 100.000 đồng; lô xiên nhóm số (02, 92) và nhóm số (13, 76) mỗi nhóm số là 200.000 đồng; đề 76, 43, 11 mỗi số là 100.000 đồng; lô số 29, 92, 11, 76, 49 mỗi số là 20 điểm; lô số 13, 31 mỗi số là 25 điểm; lô số 82 là 50 điểm. Tổng số tiền đề, lô xiên T mua của H là: 800.000 đồng, số điểm lô T mua của H là 200 điểm.

Chiều ngày 01/10/2019, H ở tại nhà mình ở thôn P, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương sử dụng điện thoại di động bên trong có lắp sim số 0888.585.xxx của mình nhận tin nhắn mua các số lô, số đề nói trên từ số điện thoại 0845.670.xxx của T. H lần lượt gửi lại tin nhắn cho T với nội dung: “Ok2”, “Ok3”, “Ok4”, “Ok5” xác nhận đồng ý bán các số lô, số đề với số tiền như trong tin nhắn cho T.

Tổng số tiền số lô, số đề trong tin nhắn T mua của H ngày 01/10/2019 là: tổng tiền đề, lô xiên + tổng điểm lô x 20.000 đồng = 800.000 đồng + 200 điểm x 20.000 đồng = 4.800.000 đồng. So với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 01/10/2019 thì T trúng 20 điểm lô số 29 và 20 điểm lô số 49. Tổng số tiền T trúng là: tổng điểm lô x 70.000 đồng = (20 + 20) x 70.000 đồng = 2.800.000 đồng.

Đến 22 giờ 40 phút ngày 01/10/2019, việc mua số lô, số đề của T với H bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương phát hiện. T tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại có lắp sim số 0845.670.xxx của T.

- Việc mua bán số đề của Nguyễn Thế H với Lê Nam A:

Chiều ngày 01/10/2019, A ở tại công ty S Việt Nam sử dụng điện thoại di động bên trong có lắp sim số 0383.102.xxx của mình gửi tin nhắn vào số điện thoại 0888.585.xxx của H để mua các số đề 69, 96 mỗi số là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền đề A mua của H là: 2.000.000 đồng

Chiều ngày 01/10/2019, H ở tại nhà mình sử dụng điện thoại di động bên trong có lắp sim số 0888.585.xxx nhận tin nhắn mua số đề trên từ số điện thoại 0383.102.019 của A. H gửi lại tin nhắn cho A nội dung: “Ok” xác nhận đồng ý bán các số đề với số tiền như trong tin nhắn cho A.

So với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 01/10/2019 thì A không trúng số đề nào. Đến 22 giờ 20 phút ngày 01/10/2019, việc mua số đề của A với H bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương phát hiện. A tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại có lắp sim số 0383.102.xxx của A.

- Việc mua bán số lô, số đề của Nguyễn Thế H với Đinh Văn B:

Chiều ngày 01/10/2019, B ở tại công ty S Việt Nam sử dụng điện thoại di động bên trong có lắp sim số 0945.775.xxx của mình gửi tin nhắn vào số điện thoại 0888.585.xxx của H để mua các số lô, số đề sau: Lô 19 là 100 điểm; lô 91 là 50 điểm; đề 45, 54 mỗi số là 50.000 đồng. Tổng số điểm lô B mua của H là 150 điểm, tổng số tiền đề là 100.000 đồng.

Chiều ngày 01/10/2019, H ở tại nhà mình sử dụng điện thoại di động bên trong có lắp sim số 0888.585.xxx nhận tin nhắn mua số lô, số đề trên từ số điện thoại 0945.775.xxx của B. H gửi lại tin nhắn cho B với nội dung “Ok” xác nhận đồng ý bán các số lô, số đề với số tiền như trong tin nhắn cho B.

Tổng số tiền số lô, số đề trong tin nhắn B mua của H ngày 01/10/2019 là: tổng tiền đề + tổng điểm lô x 20.000 đồng = 100.000 đồng + 150 điểm x 20.000 đồng = 3.100.000 đồng. So với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 01/10/2019 thì B không trúng số lô, số đề nào.

Đến 21 giờ 45 phút ngày 01/10/2019, việc mua số đề của B với H bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương phát hiện, lập biên bản. B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an 01 chiếc điện thoại có lắp sim số 0945.775.xxx của B.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Hải Dương đã quản lý :

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A8, bên trong có lắp sim 1 số 0888.585.xxx, sim 2 số 0582.345.xxx của Nguyễn Thế H.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI vỏ màu xám trắng, bên trong có lắp sim 1 số 0973.732.xxx, sim 2 số 0845.670.xxx của Phạm Văn T.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 vỏ màu xanh đen, bên trong có lắp sim số 0383.102.xxx của Lê Nam A.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MI vỏ màu vàng, bên trong có lắp sim số 0945.775.xxx của Đinh Văn B.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo H, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 19/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Gia Lộc truy tố H, T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS) năm 2015.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thế H, Phạm Văn T phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 3 Điều 65 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo H từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 3 Điều 65 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo T từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương, giao bị cáo T cho UBND xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015: Xử phạt tiền các bị cáo H, T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS) năm 2015. Truy thu của bị cáo H số tiền 2.800.000 đồng, truy thu của bị cáo T số tiền 4.800.000 đồng, truy thu của anh A số tiền 2.000.000 đồng, truy thu của anh B số tiền 3.100.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 của H, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI của T, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 của A, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MI của B; tịch thu, tiêu hủy 01 sim số 0888.585.xxx, 01 sim số 0582.345.xxx, 01 sim số 0973.732.xxx, 01 sim số 0845.670.xxx, 01 sim số 0383.102.xxx, 01 sim số 0945.775.xxx.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo H, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo H, T nhất trí luận tội của đại diện VKS, nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND tỉnh Hải Dương, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản làm việc, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào chiều ngày 01/10/2019, tại nhà ở của mình ở thôn P, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thế H đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với Phạm Văn T, Lê Nam A, Đinh Văn B bằng hình thức mua, bán số lô, số đề thông qua nhắn tin bằng điện thoại di động. Đến 19 giờ 50 phút cùng ngày, sau khi đã có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc, bị cáo H bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương phát hiện lập biên bản, thu giữ vật chứng. Sau đó, bị cáo T và các đối tượng A, B lần lượt bị phát hiện lập biên bản, thu giữ vật chứng. Số tiền T và H dùng đánh bạc là 4.800.000 đồng (tiền T mua số lô, số đề) + 2.800.000 đồng (tiền T trúng 02 số lô) = 7.600.000 đồng; số tiền A dùng đánh bạc với H là 2.000.000 đồng; số tiền B dùng đánh bạc với H là 3.100.000 đồng. Tổng số tiền H đánh bạc với T, A và B là 12.700.000 đồng.

Các bị cáo H, T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, song vì tư lợi muốn có tiền bằng hình thức sát phạt nhau, các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015. Vì vậy, VKSND huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo H, T về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước, gây mất trật tự xã hội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Các bị cáo đồng phạm về tội “Đánh bạc”, là đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị, câu kết, tổ chức chặt chẽ giữa những người thực hiện tội

phạm. Xem xét vai trò, đồng thời đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Bị cáo H là người giới thiệu, đặt vấn đề với T về việc mình bán số lô, số đề, ghi bán số lô, số đề tại nơi ở của mình qua tin nhắn điện thoại nên bị cáo H giữ vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo T trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Khi bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương phát hiện, bị cáo H có những hành vi (nộp điện thoại trong đó có các tin nhắn bán số lô, số đề), lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan công an trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp phát hiện thêm đồng phạm mới là bị cáo T và các đối tượng đánh bạc cùng bị cáo H nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự là A, B, do vậy bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Về nhân thân: Năm 2003, bị cáo H bị Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản (chấp hành xong ngày 01/02/2005, đã được xóa án tích). Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS thì bị cáo thuộc trường hợp bị kết án nhưng đã được xóa án tích, tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng nên cũng xem xét các điều kiện khác để có thể cho hưởng án treo. Bị cáo T có nhân thân tốt.

Xét thấy các bị cáo H, T không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có thu nhập nên ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về vật chứng: Số tiền 12.700.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc, cơ quan điều tra chưa thu giữ nên cần truy thu 2.800.000 đồng của bị cáo H, truy thu 4.800.000 đồng của bị cáo T, truy thu của A 2.000.000đ, truy thu của B

3.100.000đ. 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 của H, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI của T là công cụ Hân, T dùng để phạm tội, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 của A, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MI của B là điện thoại A, B sử dụng vào việc đánh bạc, các bị cáo và A, B nhất trí sung quỹ Nhà nước điện thoại nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước; các sim gắn theo 4 điện thoại không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

[7] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với Đinh Văn A, Lê Nam B là người mua số lô, số đề của H nhưng số tiền sử dụng để đánh bạc của mỗi người đều dưới 5.000.000 đồng và chưa bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa bị kết án về tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Phòng Cảnh sát hình sự- Công an tỉnh Hải Dương đã ra các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 240, 241 ngày 07/10/2019 đối với A và B là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thế H, Phạm Văn T phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 3 Điều 65 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 3 Điều 65 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thế H cho UBND xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương, giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương, gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo H, T thay đổi nơi cư trú thì thực

hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015: Xử phạt tiền các bị cáo H, T mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thế H số tiền 2.800.000 đồng, truy thu của bị cáo Phạm Văn T số tiền 4.800.000 đồng, truy thu của anh Lê Nam A số tiền 2.000.000 đồng, truy thu của anh Đinh Văn B số tiền 3.100.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 của H, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI của T, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 của A, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MI của B; tịch thu, tiêu hủy 01 sim số 0888.585.xxx, 01 sim số 0582.345.xxx, 01 sim số 0973.732.xxx, 01 sim số 0845.670.xxx, 01 sim số 0383.102.xxx, 01 sim số 0945.775.xxx.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 20/11/2019).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Thế H, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan THAHS-Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan HSNVCS- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh